TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 644/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 386/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn N, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số A khu phố B, phường Tân Chánh H, Quận C, nay là phường Trung Mỹ T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Và bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số A khu phố B, phường Tân Chánh H, Quận C, nay là phường Trung Mỹ T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị Phương T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2016 ngày 14/3/2016 do Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố B, nay là phường B, tỉnh Đắk lắk cấp.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 11/8/2025; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28/8/2025; ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; có 02 con chung tên Nguyễn D, sinh ngày 21/01/2016 và Nguyễn T, sinh ngày 25/8/2017; ông Nhẫn

trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết và không có tài sản chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị Phương T tự nguyện ly hôn; thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, cấp dưỡng nuôi con và không có tài sản chung nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị Phương T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2016 ngày 14/3/2016 do Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố B, nay là phường B, tỉnh Đắk lắk cấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị Phương T có 02 con chung tên Nguyễn D, sinh ngày 21/01/2016 và Nguyễn T, sinh ngày 25/8/2017.

Ông Nguyễn N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Phương T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị Phương T xác định không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng, ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị Phương T chịu, nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0010331 ngày 21/8/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị Phương T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014);

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND KHU VỰC A – TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Cúc